

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 31/2023/DS-ST
Ngày: 08-5-2023
“Tranh chấp hợp đồng
góp hụi”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đường Thanh Chánh
2. Bà Phạm Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2022/TLST - DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST - DS, ngày 06 tháng 4 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2023/QĐST – DS ngày 20 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị Bé H, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre

Bị đơn: Lê Minh H1, sinh năm 1987 (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: ấp B, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/7/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lê Thị Bé H trình bày như sau:

Từ năm 2017 ông Lê Minh H1 có tham gia nhiều dây hụi do tôi làm chủ hụi. Dây thứ nhất: hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 12/6/2017 (Al) đến ngày 12/3/2019 thì mãn hụi, dây hụi có 22 phần, ông H1 tham gia 01 phần, ông H1 hốt ngày 12/7/2017 (Al). Tôi có giao tiền hụi cho ông H1 số tiền 16.600.000 đồng. Sau đó ông H1 đóng hụi chết đến ngày 12/3/2018 thì ngưng không đóng hụi nữa. Ông H1 còn nợ tôi số tiền hụi chết là 11.00.000 đồng.

Dây thứ hai: hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 20/6/2018 (Al), hụi có 21 phần, ông H1 tham gia một phần và hốt hụi ngày 20/9/2018 (Al). Tôi giao tiền tụi cho ông H1 số

tiền 30.840.000 đồng, sau đó ông H1 đóng hội tiếp từ ngày 20/11/2018 (Al) đến 20/12/2018 (Al) thì ông H1 ngưng không đóng nữa. Còn lại hội chết 14 tháng ông H1 không đóng số tiền là 28.000.000 đồng.

Dây thứ ba: hội 2.000.000 đồng, khai ngày 11/8/2017 (Al), hội có 24 phần, ông H1 tham gia một phần và hót hội ngày 11/02/2018 (Al). Tôi giao tiền tui cho ông H1 số tiền 37.350.000 đồng, sau đó ông H1 đóng hội tiếp từ ngày 11/3/2018 (Al) đến 11/5/2019 (Al) thì ông H1 ngưng không đóng nữa. Còn lại hội chết 2 tháng ông H1 không đóng số tiền là 4.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông H1 còn nợ tôi là 43.000.000 đồng. Tôi đã nhiều lần đến nhà yêu cầu ông H1 trả số tiền trên cho tôi nhưng ông vẫn không trả. Nay tôi yêu cầu ông H1 hoàn trả cho tôi tổng cộng số tiền hội chết là 43.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Lê Minh H1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên không có lời trình bày mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, khi tòa án đến tổng đạt giấy mời và toàn bộ hồ sơ khởi kiện (bản pho to) của bà Bé H, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc giao nộp tài liệu chứng cứ cho ông H1 nhưng ông H1 từ chối nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng góp hội.

Ông Lê Minh H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông H1 là phù hợp.

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị Bé H cho rằng bà có làm chủ hội và ông H1 có tham gia chơi 3 dây hội và đã hót hội nhưng không thực hiện việc đóng hội chết lại cho bà Bé H tổng cộng số tiền ông H1 còn nợ lại bà Bé H là 43.000.000 đồng đối với các dây hội cụ thể như sau: Dây thứ nhất: hội 1.000.000 đồng, mở ngày 12/6/2017 (Al) đến ngày 12/3/2019 thì mãn hội, dây hội có 22 phần, ông H1 hót ngày 12/7/2017 (Al). Tôi có giao tiền hội cho ông H1 số tiền 16.600.000 đồng. Sau đó ông H1 đóng hội chết đến ngày 12/3/2018 thì ngưng không đóng hội nữa. Ông H1 còn nợ tôi số tiền hội chết là 11.000.000 đồng. Dây thứ hai: hội 2.000.000 đồng, khai ngày 20/6/2018 (Al), hội có 21 phần, ông H1 tham gia một phần và hót hội ngày 20/9/2018 (Al). Tôi giao tiền tui cho ông H1 số tiền 30.840.000 đồng, sau đó ông H1 đóng hội tiếp từ ngày 20/11/2018 (Al) đến 20/12/2018 (Al) thì ông H1 ngưng không đóng nữa. Còn lại hội chết 14 tháng ông H1 không đóng số tiền là 28.000.000 đồng. Dây thứ ba: hội 2.000.000 đồng, khai ngày 11/8/2017 (Al), hội có 24 phần, ông H1 tham gia một phần và hót hội ngày 11/02/2018 (Al). Tôi giao tiền tui cho ông H1 số tiền 37.350.000 đồng, sau đó ông H1 đóng hội tiếp từ ngày 11/3/2018 (Al) đến 11/5/2019 (Al) thì ông H1 ngưng không đóng nữa. Còn lại hội chết 2 tháng ông H1 không đóng số tiền là 4.000.000 đồng. Bà Bé H đã nhiều lần đến nhà yêu cầu ông H1 trả số tiền trên nhưng ông vẫn không trả. Nay bà Bé H yêu cầu ông H1 hoàn trả số tiền hội chết là 43.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ

án bà Bé H cung cấp các tài liệu chứng cứ là các giấy giao hui cho ông H1 và ông Lê Minh H1 điều có ký tên nhận tiền. Thấy rằng bị đơn Lê Minh H1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên không có lời trình bày mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, khi Tòa án đến tổng đạt giấy mời và toàn bộ hồ sơ khởi kiện (bản pho to) của bà Bé H, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc giao nộp tài liệu chứng cứ cho ông H1 nhưng ông H1 từ chối nhận. Do đó đủ căn cứ xác định ông H1 biết việc bà H khởi kiện ông về số tiền hui ông còn nợ bà và cũng biết số tiền bà Bé H kiện là 43.000.000 đồng mặc dù ông đã nhận thông báo giao nộp chứng cứ để trình bày ý kiến hay chứng minh đối với việc có nợ bà Bé H số tiền trên hay không nhưng ông vẫn cố tình vắng mặt nhiều lần. Điều đó chứng tỏ ông Hòa đã xem thường pháp luật và tự từ bỏ quyền lợi của mình nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bé H, buộc ông Lê Minh H1 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Bé H số tiền hui là 43.000.000 đồng. Việc bà Bé H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 43.000.000 đồng mà ông H1 có nghĩa vụ trả là sự tự nguyện của bà nên ghi nhận.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bé H được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên buộc bị đơn Lê Minh H1 nên ông Lê Minh H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $43.000.000 \times 5\% = 2.150.000$ đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị Bé H đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Bé H

Buộc ông Lê Minh H1 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thị Bé H số tiền hui là 43.000.000 đồng.

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Lê Minh H1 có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.150.000 đồng

Án phí sung vào công quỹ nhà nước.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị Bé H số tiền 1.075.000 đồng tại biên lai thu số 0000519 ngày 24/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện B (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Đĩnh